PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT
VỀ MIỄN[1] THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993;

Theo đề nghị của Chính phủ,[2]

---

[1] Từ "giảm" tại tên Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp được bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

[2] Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993;

Sau khi xem xét Tờ trình số 368/TTr-CP ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 163/BC-UBTCNS14 ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách; ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội và Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý số 55/BC-UBTVQH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp,".

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

1. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

2. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

3.[3] Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

4.[4] Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Điều 2.[5] ***(được bãi bỏ)***

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

[5] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 3.[6] ***(được bãi bỏ)***

Điều 4. Thời hạn miễn thuế[7]

Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định tại Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 5. Điều khoản thi hành[8]

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

2.[9] ***(được bãi bỏ)***

3. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 04/VBHN-VPQH

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2016
CHỦ NHIỆM

Nguyễn Hạnh Phúc

---

[6] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

[8] Điều 2 của Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 quy định như sau:

"***Điều 2***

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp không quy định tại Nghị quyết này và tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3. Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương rà soát, chấn chỉnh, thực hiện thu hồi đất nông nghiệp do vi phạm pháp luật đất đai theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

4. Chính phủ quy định chi tiết Nghị quyết này."

[9] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.